

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Là;

2. Ông Bon Niêng Ha Krong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bảo T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: : Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn M, bà Trần Thị Kim L. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(bà T có mặt, các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bảo T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Xuân T1 kết hôn với nhau vào tháng 7 năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại thôn A, xã R, huyện Đ. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột về cách giáo dục con cái, về cách sống, không thể

hòa giải được. Ông T1 đã về quê ở Thái Bình sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Xuân T1.

- Về con chung: Bà Trần Thị Bảo T xác định vợ chồng có 02 con chung là: Trần Gia H và Trần Gia H1, cùng sinh ngày 21/01/2020, hiện đang ở với ông T1. Khi ly hôn thì ông, bà thỏa thuận ông T1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu như hiện tại đến khi trưởng thành. Ông T1 có trách nhiệm đảm bảo việc nuôi dạy các con, giúp các con phát triển trong môi trường an toàn nhất. Ông T1 không được cấm cản bà T khi muốn thăm nom con, không được tự ý mang con theo khi chuyển nơi cư trú mà bà T chưa đồng ý.

- Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà T xác định có các khoản nợ: Nợ ông Trần Văn M và bà Trần Thị Kim L số tiền 200.000.000 đồng, bà yêu cầu ông T1 chịu trách nhiệm hoàn trả. Nợ Ngân hàng H2 chi nhánh L1 số tiền 205.000.000 đồng, bà yêu cầu ông T1 chịu trách nhiệm trả 55.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T1 còn nợ bà T số tiền 148.000.000 đồng do bà đứng ra vay của một người khác cho ông T1 vay lại, bà yêu cầu ông T1 trả cho bà số tiền vay này. Tại đơn xin rút yêu cầu ngày 20/9/2024, bà T đã rút yêu cầu ông T1 trả cho bà số tiền 148.000.000 đồng trong vụ án này, nếu sau này ông T1 không trả nợ thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai nộp cho Tòa án, Bị đơn ông Trần Xuân T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Bảo T tìm hiểu nhau và đã kết hôn với nhau vào tháng 7 năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông, bà chung sống với nhau ở thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống lúc đầu hòa thuận nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên ông, bà đã không còn sống chung với nhau nữa khoảng 04 tháng nay, ông T1 đưa các con về T. Nay bà Trần Thị Bảo T yêu cầu ly hôn với ông thì ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đam Rông giải quyết cho ông và bà Trần Thị Bảo T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ông và bà Trần Thị Bảo T có 02 con chung là: Trần Gia H và Trần Gia H1, cùng sinh ngày 21/01/2020, hiện đang ở với ông. Khi ly hôn thì ông có nguyện vọng sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu như hiện tại đến khi trưởng thành, sau này, tùy vào điều kiện chăm sóc và nguyện vọng các cháu, ông và bà T sẽ thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con (nếu cần thiết), ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà có một số khoản nợ như bà T trình bày, là nợ chung của vợ chồng, ông bà sẽ thỏa thuận với các chủ nợ về việc trả nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn M và bà Trần Thị Kim L trình bày: Ông, bà có cho vợ chồng ông T1, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh vào ngày 24/5/2021, do là con cái nên không lập hợp đồng vay tiền mà chỉ thỏa thuận bằng miệng khi nào có thì trả, không thỏa thuận lãi suất. Nay vợ chồng ông T1, bà T ly hôn nên ông, bà yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T phải trả cho ông bà số tiền 200.000.000 đồng. Tại đơn xin rút yêu cầu ngày 19/9/2024, ông M và bà L đã rút yêu cầu trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.*

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do ông T1 có đơn xin được giải quyết vắng mặt và bà T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T1, bị đơn vắng mặt và có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bảo T được ly hôn với ông Trần Xuân T1; Về con chung: Giao cháu Trần Gia H và Trần Gia H1, cùng sinh ngày 21/01/2020 cho ông Trần Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị Bảo T đối với ông Trần Xuân T1 đối với số tiền 148.000.000 đồng. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú ở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nhưng cả nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định có thỏa thuận và đồng ý để Tòa án nơi nguyên đơn cư trú là Tòa án nhân dân huyện Đam Rông giải quyết do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2019 ngày 03/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ thì quan hệ hôn nhân giữa của bà Trần Thị Bảo T và ông Trần Xuân T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc đương sự vắng mặt: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà T và ông T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ vào năm 2020. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và năm 2024 thì ông T1 chuyển về quê thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống, hai vợ chồng ly thân đến nay. Kết quả xác minh tại địa phương về quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T1 thì thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[5] Về con chung: Bà T và ông T1 đều xác định có 02 con chung là cháu Trần Gia H và Trần Gia H1, cùng sinh ngày 21/01/2020, hiện đang ở với ông T1. Khi ly hôn, ông T1 có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi trưởng thành và bà T cũng đồng ý, hai cháu đều là con trai, hiện đang ở với bố do vậy cần giao hai cháu cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, ông T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung và ông T1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về nợ chung, nợ riêng: Bà T khai có nợ của Ngân hàng hợp tác xã 205.000.000 đồng. Ngân hàng có văn bản không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án, trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Đối với các khoản nợ của ông M, bà L có yêu cầu số tiền vay 200.000.000 đồng, sau đó ông bà có đơn xin rút yêu cầu không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này, trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu. Đối với yêu cầu của bà T buộc ông T1 khoản nợ của bà T với ông T1, bà T có đơn xin rút do vậy Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này, trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bảo T: Bà Trần Thị Bảo T được ly hôn với ông Trần Xuân T1.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Trần Gia H và Trần Gia H1, cùng sinh ngày 21/01/2020 cho ông Trần Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung, nợ riêng:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Trần Văn M và bà Trần Thị Kim L về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Xuân T1, bà Trần Thị Bảo T phải trả số tiền vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trần Thị Bảo T về việc yêu cầu ông Trần Xuân T1 phải trả cho bà số tiền vay là 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

4. Về án phí: Bà Trần Thị Bảo T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, được trừ vào số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005368 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Hoàn trả cho bà Trần Thị Bảo T 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm ngàn đồng) còn thừa.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc

từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Rô Men, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương